

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày 17 - 7- 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Trí

Bà Bùi Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/HSST-QĐ đối với bị cáo:

***Họ và tên:** Nguyễn Đức S, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1997 tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức N1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con

- Tiền sự: Không

- Tiền án: 01 tiền án, tại bản án số 235/2021/HS-ST ngày 27/9/2021, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2.2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Khắc Y, sinh năm 1997 (vắng mặt).

- Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn N2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Vũ Văn V, sinh năm 1993 (vắng mặt).

- Anh Lê Minh S, sinh năm 2000(vắng mặt).
- Anh Nguyễn Việt Q, sinh năm 2003 (vắng mặt).
- Anh Trần Quốc V1, sinh năm 2001 (vắng mặt).
- Anh Nguyễn Đức N3, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn T1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2022 đến ngày 19/01/2024, bị cáo Nguyễn Đức S trú tại thôn T1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa sử dụng tiền cá nhân thực hiện hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch sự nhằm thu lợi bất chính từ việc cho vay để lấy tiền tiêu xái cá nhân. Nguyễn Đức S đã cho 07 cá nhân trên địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa vay tiền dưới hình thức cho vay tín chấp, lãi suất trong quá trình vay do các bên tự thỏa thuận từ 3.333đồng đến 6.667đồng/1.000.000đồng/ngày (tương ứng mức lãi suất từ 121.65% đến 243.35%/năm). Lãi suất cho vay do các bên tự thỏa thuận vượt quá mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là (20%/năm) từ 06 lần đến 12.16 lần. Nguyễn Đức S đã cho vay và thu lợi bất chính được số tiền 38.183.333 đồng (Ba mươi tám triệu, một trăm tám ba nghìn, ba trăm ba ba đồng) với những người vay cụ thể như sau:

1. Ngày 02/7/2022, Nguyễn Đức S cho Nguyễn Khắc Y, vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất là 3.333đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng với mức lãi suất 121.65%/năm, gấp 06 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Đến tháng 02/2023 Nguyễn Đức S đã cho anh Nguyễn Khắc Y vay được 200 ngày, nhằm thu số tiền lãi là 20.000.000đồng, theo quy định của Bộ luật Dân sự số tiền lãi tối đa Nguyễn Đức S được phép thu của anh Nguyễn Khắc Y 200 ngày là 3.333.333đồng (Ba triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba ba đồng) tiền lãi, Nguyễn Đức S nhằm thu lợi bất chính số tiền 16.666.667đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm sáu sáu nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng). Quá trình cho vay, Nguyễn Đức S đã thu của anh Nguyễn Khắc Y được 110 ngày tiền lãi với số tiền 11.000.000đồng, trong đó Nguyễn Đức S đã thu lợi bất chính được số tiền 9.166.667đồng (Chín triệu, một trăm sáu sáu nghìn, sáu trăm sáu bảy đồng). Tuy nhiên, do anh Nguyễn Khắc Y không còn khả năng trả thêm tiền lãi, Nguyễn Đức S và anh Nguyễn Khắc Y thỏa thuận thống nhất không tính thêm tiền lãi, Nguyễn Đức S yêu cầu anh Nguyễn Khắc Y phải trả đủ số tiền gốc và 90 ngày tiền lãi anh Nguyễn Khắc Y còn nợ. Tính đến ngày 19/01/2024 anh Nguyễn Khắc Y còn nợ Nguyễn Đức S 30.000.000đ tiền gốc.

2. Bị cáo S cho Nguyễn Đức N3 vay 03 lần, cụ thể:

- Ngày 11/10/2022, S cho N3 vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi suất là 6.667đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 243.35%/năm, gấp 12.16 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đức S

được phép thu của anh N3: 466 ngày tiền lãi là 2.588.889đồng, Nguyễn Đức S thu được của anh N3: 210 ngày tiền lãi, với số tiền là 14.000.000đồng, trong đó Nguyễn Đức S đã thu lợi bất chính số tiền 12.833.333đồng.

- Ngày 28/10/2022, Sơn cho N3 vay 5.000.000đồng với lãi suất là 6.667đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 243.35%/năm, gấp 12.16 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày 19/01/2024, Nguyễn Đức S đã cho anh N3 vay được 449 ngày, nhằm thu 14.967.000đồng tiền lãi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đức S được phép thu của anh N3: 449 ngày tiền lãi là 1.247.222đồng, Nguyễn Đức S thu lợi bất chính số tiền 13.719.718đồng. Quá trình cho vay, S chưa thu được của anh N3 tiền lãi ngày nào.

- Ngày 26/11/2022, S cho N3 vay 5.000.000đồng với lãi suất là 6.667đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 243.35%/năm, gấp 12.16 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày 19/01/2024 Nguyễn Đức S đã cho anh N3 vay tiền được 420 ngày, nhằm thu 14.000.000đồng tiền lãi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đức S được phép thu của anh N3: 420 ngày tiền lãi là 1.66.667đồng, Nguyễn Đức S thu lợi bất chính số tiền 12.833.333đồng. Quá trình cho vay, Nguyễn Đức S đã thu được của anh N3: 120 ngày tiền lãi, với số tiền là 4.000.000đồng, trong đó Nguyễn Đức S đã thu lợi bất chính số tiền 3.666.667đồng. Tính đến ngày 19/01/2024 anh Nguyễn Đức N3 còn nợ Nguyễn Đức S 20.000.000đ tiền gốc.

3. Ngày 02/9/2023, bị cáo cho Nguyễn Việt Q , vay 10.000.000đ với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 182.5%/năm, gấp 9.12 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày 19/01/2024, S đã cho anh Q vay tiền được 140 ngày, nhằm thu 7.000.000đồng tiền lãi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đức S được phép thu của anh Q 140 ngày tiền lãi là 777.778đồng, Nguyễn Đức S thu lợi bất chính số tiền 6.222.222đồng. Quá trình cho vay, Nguyễn Đức S đã thu được của anh Q 120 ngày tiền lãi, với số tiền là 6.000.000đồng, trong đó Sơn đã thu lợi bất chính số tiền 5.333.333đồng. Tính đến ngày 19/01/2024 anh Nguyễn Việt Q còn nợ Nguyễn Đức S 10.000.000đ tiền gốc

4. Ngày 06/9/2023, bị cáo Sơn cho Lê Minh S vay 10.000.000đồng với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 182.5%/năm, gấp 9.12 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày 19/01/2024, Nguyễn Đức S đã cho anh S vay tiền được 136 ngày, nhằm thu 6.800.000đồng tiền lãi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đức S được phép thu của anh S 136 ngày tiền lãi là 755.556đồng, Nguyễn Đức S thu lợi bất chính số tiền 6.044.444đồng. Quá trình cho vay, Nguyễn Đức S đã thu được của anh S 120 ngày tiền lãi, với số tiền là 6.000.000đồng, trong đó Nguyễn Đức S đã thu lợi bất chính số tiền 5.333.333đồng. Tính đến ngày 19/01/2024 anh Lê Minh S còn nợ Nguyễn Đức S 10.000.000đ tiền gốc

5. Ngày 21/11/2023, bị cáo cho Trần Quốc V1 vay 5.000.000đồng với lãi suất 4.667 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 170.34%/năm,

gấp 8.51 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày 19/01/2024, Nguyễn Đức S đã cho anh V1 vay tiền được 60 ngày và thu được số tiền lãi là 1.400.000đồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đức S được phép thu của anh Việt 60 ngày tiền lãi là 166.667đồng, Nguyễn Đức S đã thu lợi bất chính số tiền 1.233.333đồng. Tính đến ngày 19/01/2024 anh Trần Quốc V1 còn nợ Nguyễn Đức S 5.000.000đ tiền gốc

6. Ngày 22/12/2023, bị cáo cho Hoàng Văn T2 vay 5.000.000đồng với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 182.5%/năm, gấp 9.12 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày 19/01/2024, Nguyễn Đức S đã cho anh T2 vay tiền được 29 ngày, nhằm thu 725.000 đồng tiền lãi. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đức S được phép thu của anh T2: 29 ngày tiền lãi là 80.556đồng, Nguyễn Đức S thu lợi bất chính số tiền 644.444đồng. Tuy nhiên, quá trình vay anh T2 chưa trả được cho Nguyễn Đức S ngày lãi nào. Tính đến ngày 19/01/2024 anh Hoàng Văn T2 còn nợ Nguyễn Đức S 5.000.000đ tiền gốc

7. Ngày 03/01/2024, Nguyễn Đức S cho Vũ Văn V vay 5.000.000đồng với lãi suất là 4.667đồng/1.000.000đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 170.34%/năm, gấp 8.51 lần lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự. Tính đến ngày 19/01/2024, Nguyễn Đức S đã cho anh V vay tiền được 30 ngày và thu được số tiền lãi là 700.000đồng. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, Nguyễn Đức S được phép thu của anh V 30 ngày tiền lãi là 83.333đồng, Nguyễn Đức S đã thu lợi bất chính số tiền 616.667đồng. Tính đến ngày 19/01/2024 anh Vũ Văn V còn nợ Nguyễn Đức S 5.000.000đ tiền gốc.

- Tại Bản kết giám định số 724/KL-KTHS ngày 26/02/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận không tìm thấy dữ liệu bị xóa trong chiếc điện thoại của Nguyễn Đức S .

Việc xử lý vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 11, màu xanh, số sê ri: FK1ZK0HGN72P, gắn 01 sim Vinaphone số thuê bao 0879.034.790 là chiếc điện thoại mà Nguyễn Đức Sơn đã sử dụng để chuyển tiền cho vay và hỏi nợ hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống chờ xử lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSNC ngày 22/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị HĐXX xử áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S mức án từ 18 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ. Phạt bổ sung bị cáo khoản tiền từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ nộp vào ngân sách Nhà

nước; miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động, bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Truy thu của bị cáo số tiền lãi cao đã nhận từ những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là 5.176.67đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền 85.000.000đ (tiền gốc) mà bị cáo dùng cho vay lãi cao nộp vào ngân sách Nhà nước cụ thể: Nguyễn Việt Q 10.000.000đ; Lê Minh S 10.000.000đ; Lê Văn V 5.000.000đ; Trần Văn V 5.000.000đ; Nguyễn Văn N3: 20.000.000đ; Hoàng Văn T2: 5.000.000đ; Nguyễn Khắc Y 0.000.000đ.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lời bất chính của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Khắc Y 9.166.667đ; Nguyễn Văn N3: 12.833.333đ + 3.666.667đ; Nguyễn Việt Q 3.333.333đ; Lê Minh 3.333.333đ; Trần Quốc V1: 1.233.333đ; Hoàng Văn T2: 6.44.444đ; Vũ Văn V 616.667đ.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động của bị cáo là công cụ phạm tội.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm của mình, hứa sửa chữa không tái phạm và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Công, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ đã được giám định trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở chứng minh:

Trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến ngày 19/01/2024 tại thôn T1, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Nguyễn Đức S đã có hành vi dùng 85.000.000đ tiền của cá nhân mình cho 07 người trên địa bàn huyện N, tỉnh Thanh Hóa vay dưới hình thức vay tín chấp, lãi suất từ 3.333đồng đến 6.667đồng/1.000.000đồng/ngày (tương ứng mức lãi suất từ 121.65% đến 243.35%/năm), vượt quá mức lãi xuất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS (20%/năm). Bị cáo thu lời bất chính 38.138.333đ. Hành vi của bị cáo đã cấu

thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống truy tố bị cáo với tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác làm mất trật tự an trên địa bàn. Vì vậy, cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục bị cáo thành người tốt và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo: HĐXX thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp với quy định của Điều 36 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì mục đích lợi nhuận, thu lời bất chính nên cần áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[8] Truy thu nộp ngân sách Nhà nước khoản tiền thu lời bất chính, tiền liên quan đến tội phạm từ bị cáo và người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[9] Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo là công cụ phạm tội.

[10] Về án phí: Bị cáo có tội bị kết án và không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 201 BLHS tuyên bố bị cáo: Nguyễn Đức S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 36 BLHS. Xử phạt Nguyễn Đức S 20 (hai mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Truy thu của bị cáo số tiền lãi cao đã nhận từ những người có quyền và nghĩa vụ liên quan là 5.176.67đ nộp vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu từ những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền gốc 85.000.000đ mà bị cáo dùng cho vay lãi cao để nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Nguyễn Việt Q 10.000.000đ; Lê Minh S 10.000.000đ; Lê Văn V 5.000.000đ; Trần Văn V 5.000.000đ; Nguyễn Văn N3: 20.000.000đ; Hoàng Văn T2: 5.000.000đ; Nguyễn Khắc Y 30.000.000đ.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Khắc Y 9.166.667đ; Nguyễn Văn N3: 12.833.333đ +3.666.667đ; Nguyễn Việt Q 3.333.333đ; Lê Minh S 3.333.333đ; Trần Quốc V1: 1.233.333đ; Hoàng Văn T2: 6.44.444đ; Vũ Văn V 616.667đ.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 Điện thoại di động của bị cáo, (theo Quyết định chuyển vật chứng số 34/QĐ-VKS ngày 22/5/2024 của VKSND huyện Nông Cống và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2024 giữa Công an huyện Nông Cống và Chi cục THADS huyện Nông Cống)

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải Thi hành án dân sự có quyền tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Nông Cống;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Trường Giang - Nông Cống;
- Lưu hồ sơ; văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Nguyễn Văn Tình

